

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**  
(Mã chứng khoán: TFC)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm 2025**

**TPHCM, ngày 20 tháng 4 năm 2026**

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025****Mục lục**

<b>I. Thông tin chung .....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát .....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	2
4. Định hướng phát triển .....	2
5. Các rủi ro.....	2
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm.....</b>	<b>4</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	4
2. Tổ chức và nhân sự .....	4
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	5
4. Tình hình tài chính.....	5
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. ....	6
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	7
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....</b>	<b>9</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	9
2. Tình hình tài chính.....	9
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	9
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	10
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....	10
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....</b>	<b>11</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	11
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	11
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	11
<b>V. Quản trị công ty.....</b>	<b>12</b>
1. Hội đồng quản trị .....	12
2. Ban Kiểm soát.....	14
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát .....	15
<b>VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....</b>	<b>16</b>

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát**

Tên giao dịch : Công ty cổ phần Trang  
Số : 0303366525  
GCNĐKDN  
Vốn điều lệ : 168.299.940.000 đồng  
Địa chỉ : Lô A14b KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM, Việt Nam  
Số điện thoại : (08) 37.800.900  
Số fax : (08) 37.800.735  
Website : [www.trangcorporation.vn](http://www.trangcorporation.vn)  
Mã cổ phiếu : TFC

**Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Trang (“Trang Corp.” hoặc “Trang Corporation” hoặc TFC) được thành lập vào tháng 07/2004 tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất những sản phẩm là thực phẩm đông lạnh từ thủy sản phục vụ thị trường xuất khẩu tại Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Úc.

Kể từ khi thành lập năm 2004, với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Trang đã không ngừng phát triển về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển. Qua 5 lần tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông khác, vốn điều lệ Công ty hiện nay đạt 168.3 tỷ đồng tăng 741.5% so với khi thành lập.

Ngày 13/11/2015, Công ty cổ phần Trang đánh dấu bước phát triển mới khi được chấp thuận niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán là TFC, chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 03/12/2015: cổ phiếu Công ty cổ phần Trang chính thức giao dịch trên sàn HNX với giá khởi điểm là 35.000 đồng/ cổ phiếu. Việc chính thức trở thành Công ty đại chúng là một bước ngoặt to lớn trong quá trình phát triển của Trang Corp, mở ra cơ hội quảng bá doanh nghiệp đến khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, tạo tiền đề cho việc gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như tiếp cận nguồn vốn không giới hạn cho việc đầu tư phát triển.

Năm 2025, công ty chính thức ghi nhận doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, đánh dấu cột mốc mới trong quá trình phát triển. Thành tích này là kết quả của chiến lược mở rộng thị trường, tối ưu sản phẩm giá trị gia tăng và nâng cao năng lực quản trị.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến thủy, hải sản, các món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

Công ty hiện đang kinh doanh rộng khắp các thị trường như Châu Âu, Mỹ, Úc và một số thị trường Châu Á khác như Nhật Bản, Singapore, Malaysia.

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Công ty đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Cơ cấu bộ máy quản lý hiện nay gồm 10 đơn vị báo cáo trực tiếp cho TGD, bao gồm:

- |                                 |                            |
|---------------------------------|----------------------------|
| • Phòng Tài chính Kế toán       | • Phòng QAQC               |
| • Phòng Kinh doanh              | • Phòng Cải tiến MMTB      |
| • Phòng Nghiên cứu & Phát triển | • Phòng Thu mua            |
| • Phòng Kế hoạch sản xuất       | • Phòng Hành chính Nhân sự |
| • Xưởng sản xuất                | • Bộ phận bảo trì          |

**Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 75% (số đầu năm là 75%).

Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**4. Định hướng phát triển**

HDQT và Ban điều hành Công ty đã vạch ra chiến lược phát triển trung và dài hạn với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất.
- Trở thành đối tác tin cậy trong ngành chế biến thực phẩm chất lượng cao.
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Một trong 05 công ty chế biến thực phẩm chuyên sâu có doanh thu cao nhất Việt Nam.

**5. Các rủi ro**

Trước những biến động phức tạp của kinh tế toàn cầu, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã xác định các nhóm rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển bền vững của Công ty trong năm 2026 như trình bày dưới đây.

**Rủi ro Kinh tế vĩ mô và Địa chính trị**



**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Là doanh nghiệp có phần lớn doanh thu đến từ xuất khẩu, Công ty chịu tác động trực tiếp từ sự ổn định của các thị trường trọng điểm như EU, Mỹ. Thêm vào đó, các xung đột địa chính trị tại khu vực Trung Đông đã khiến chi phí nguyên liệu, chi phí vận tải tăng cao và ảnh hưởng lớn đến thời gian giao hàng.

Để chủ động đối phó với rủi ro trên, công ty đã tiến hành đa dạng hóa các đơn vị vận chuyển, chủ động theo sát các diễn biến thị trường để tối ưu hóa kế hoạch sản xuất và duy trì mức tồn kho hợp lý.

**Rủi ro Tỷ giá và Tài chính**

Do phần lớn đơn hàng của Công ty đều xuất khẩu và các đối tác, khách hàng thanh toán chủ yếu bằng đồng ngoại tệ, vậy nên sự biến động tỷ giá sẽ gây ra ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Mặc dù trong năm 2025 việc tăng giá đồng USD có tác động tích cực đến các nhà xuất khẩu nói chung, thế nhưng sự biến động tỷ giá liên tục cũng phần nào tác động đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như làm tăng chi phí nhập nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá, phía công ty đã chủ động áp dụng các giải pháp như sử dụng các hợp đồng phái sinh ngoại hối (chủ yếu là forward) để chốt tỷ giá cho các đơn hàng lớn, đồng thời duy trì cơ cấu nợ vay hợp lý giữa ngoại tệ và nội tệ để cân đối dòng tiền.

**Rủi ro Chuỗi cung ứng và Nguyên vật liệu**

Tình hình biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến sản lượng nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp tại Việt Nam. Ngoài ra, ảnh hưởng của biến động giá dầu trên thế giới khiến giá nguyên liệu đầu vào (tôm, cá, nông sản) đều tăng do chi phí thức ăn và năng lượng đều tăng.

Để đối phó với rủi ro trên, phía công ty đã thắt chặt liên kết với các vùng nuôi đạt chuẩn (ASC, BAP), đa dạng hóa nhà cung cấp và dự báo giá nguyên liệu để có kế hoạch thu mua chiến lược.

**Rủi ro Pháp lý và Tuân thủ ESG**

Doanh thu của Công ty phần lớn đến từ hoạt động xuất khẩu, nên Công ty phải nắm bắt và hiểu rõ các quy định quốc tế liên quan. Đồng thời, Công ty đang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán nên phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác. Khi các văn bản pháp luật này điều chỉnh và thay đổi, điều này có thể tác động đến kế hoạch kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động trong việc theo dõi và cập nhật các chính sách luật pháp và thông lệ quốc tế để kịp thời thay đổi cách thức quản lý, chiến lược kinh doanh sao cho phù hợp.

Thêm vào đó, trong năm 2025, quá trình tái cấu trúc bộ máy nhà nước (bao gồm sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hợp nhất bộ ngành, phân cấp quản lý và tinh giản đầu mối) đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong quy trình hành chính và thẩm quyền giải quyết công việc. Song song, môi trường pháp lý tại Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật nhanh chóng với các tiêu chuẩn ngày càng cao. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục cập nhật và cải tiến để đáp ứng các yêu cầu mới về quản trị doanh nghiệp, thuế và minh bạch thông tin.

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Công ty đánh giá, trong năm 2026, mức độ rủi ro tuân thủ có xu hướng gia tăng, buộc doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh quản lý rủi ro, tăng cường giám sát tuân thủ và cập nhật chính sách kịp thời. Những yếu tố này có thể làm gia tăng chi phí vận hành, nhưng đồng thời giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định, hạn chế rủi ro pháp lý, gia tăng lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Doanh thu hợp nhất vượt kế hoạch 27 tỷ đồng (vượt ~2,7%) là mức doanh số cao nhất kể từ khi niêm yết. LNST vượt kế hoạch ~2 tỷ đồng, đạt 170 tỷ đồng (tương đương vượt ~1,2%) mức lợi nhuận này cũng là kỷ lục từ khi TFC đi vào hoạt động. Tổng kết năm, EPS công ty đạt 9.892 đồng/ cổ phần. Kết quả đạt được nói trên là do công ty đã tiến hành chủ động kiểm soát tốt chi phí, cộng với việc duy trì chiến lược dịch chuyển sang các khách hàng yêu cầu các sản phẩm đặc thù với biên lợi nhuận cao.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh	
				TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
Doanh thu (tỷ đồng)	904	1.000	1.027	+ 2,7%	+ 13,6%
LNST (tỷ đồng)	162	168	170	+ 1,2%	+ 4,9%

**2. Tổ chức và nhân sự**

Danh sách Ban điều hành Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Quá trình công tác
1.	Trương Văn Quang	TGĐ	0,20%	Xem phần V
2.	David Ho	Giám đốc kinh doanh	22,94%	Xem phần V
3.	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Kế toán trưởng	0%	2010-2012: Kế toán CT TNHH SX HTD Bình Tiên 2013-2015: Kế toán CT TNHH TiNo 2015-nay : Kế toán tại CTCP Trang

Trong năm 2025, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành. Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2025: 565 nhân viên (năm 2024 là 491 nhân viên).

**Chính sách nhân sự****Về đào tạo và tuyển dụng**

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Công ty có những tiêu chuẩn tuyển dụng theo từng vị trí nhằm tìm kiếm những ứng viên tiềm năng, phù hợp với nhu cầu công việc. Ngoài ra Công ty luôn chú trọng trong đào tạo nguồn nhân lực kế thừa, vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để có thể kịp thời cập nhật kiến thức, kỹ năng mới cho cán bộ nhân viên, từ đó nâng cao chất lượng công việc và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

**Môi trường làm việc**

Để người lao động có thể gắn bó lâu dài với Công ty, môi trường công việc là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng. Môi trường làm việc tốt sẽ tạo ra cảm hứng và động lực cho người lao động, giúp họ hoàn thành tốt công việc được giao. Vì vậy, Công ty luôn tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và công bằng. Đồng thời, Công ty còn cung cấp đầy đủ các trang thiết bị, bảo đảm an toàn, vệ sinh cho người lao động ở nơi làm việc và nơi sản xuất kinh doanh.

**Về lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi**

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi cho nhân viên theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm thất nghiệp và trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, tuân thủ theo nội dung hợp đồng đã ký kết với nhân viên. Đồng thời, Công ty chủ động trong việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thể thao, văn nghệ nhằm thúc đẩy tinh thần đoàn kết. Đồng thời, Công ty cũng có những chính sách tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, phòng ban có năng lực xuất sắc, đạt được nhiều kết quả tốt trong quá trình làm việc.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án****a) Các khoản đầu tư lớn**

Năm 2025, Công ty cổ phần Trang không triển khai các hoạt động đầu tư lớn, không thành lập thêm công ty con, và cũng không đầu tư thêm vào công ty liên kết.

**b) Các công ty con, công ty liên kết**

Về tổng quan cả công ty con và công ty liên kết của TFC đều hoạt động rất hiệu quả trong năm 2025. Điều này một lần nữa phản ánh sự triển khai đúng đắn chiến lược cải tổ toàn diện đã được HĐQT triển khai từ 2022. Tình hình kinh doanh các đơn vị thành viên trong năm 2025 như sau:

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>DASUMY</b> (công ty con)	<b>DARY</b> (công ty liên kết)
Doanh thu (tỷ đồng)	8	422
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0,2	55

**4. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	913.715	1.022.941	12%


**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng giảm
Doanh thu thuần (triệu đồng)	904.149	1.027.318	14%
LN từ hoạt động kinh doanh ((triệu đồng)	189.555	201.824	6%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	(1.206)	(3.154)	162%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	188.349	198.670	5%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	161.541	169.911	5%
EPS (VND)	9.293	9.888	6%
Cổ tức (VND)	1.200	2.000	67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	13%	20%	57%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	2024	2025
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,36	1,57
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,05	1,19
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,49
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,36	0,97
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,61	4,34
+ Vòng quay tổng tài Sản	1,13	1,06
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	18%	17%
+ Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu	42%	33%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	18%	17%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	21%	20%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**
**a) Cổ phần**

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Vốn điều lệ đăng ký	:	168.299.940.000 đồng
Vốn thực góp của cổ đông	:	168.299.940.000 đồng
Tổng số lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	:	16.829.994 cổ phần
Mệnh giá cổ phần phổ thông	:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	Không
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	:	Không

**b) Cơ cấu cổ đông**

Theo danh sách chốt ngày 27/3/2026, cơ cấu cổ đông Công ty như sau:

**Cổ đông trong nước/ nước  
ngoài**

Cổ đông trong nước	66,12%
Cổ đông nước ngoài	33,88%

**Cổ đông Cá nhân/ Tổ chức**

Cổ đông Cá nhân	97,46%
Cổ đông Tổ chức	2,54%

**Cổ đông lớn/ thiểu số**

Cổ đông lớn	73,81%
Cổ đông thiểu số	26,19%

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Ngày	Trước (tỷ đồng)	Sau (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
31/01/2014	20	30	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 2:1)
29/06/2014	30	50	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 3:2)
10/03/2015	50	80	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 5:3)
26/06/2015	80	110	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 8:3)
12/08/2016	110	168	Chia cổ tức bằng cổ phần từ lợi nhuận và thặng dư vốn

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không có.

**e) Các chứng khoán khác**

Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty****6.1. Tác động lên môi trường**



## **TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty ý thức được các tác động tiêu cực đến môi trường như chất thải trong quá trình sản xuất, rác thải sinh hoạt từ các công nhân tại nhà máy. Vì vậy, Công ty đã luôn tuân thủ các nguyên tắc xử lý chất thải do Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đề ra. Đồng thời, Công ty thực hiện tìm kiếm các đối tác chuyên thu mua, xử lý chất thải để tuân thủ quy trình xử lý chất thải, hạn chế tác động xấu đến môi trường. Cùng với đó, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, xử lý chất thải để kịp thời đánh giá và cải thiện, giúp đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn chủ động trong việc tuyên truyền, cũng như nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ nhân viên, thực hiện đào tạo để nhân viên có thể phân loại và xử lý rác thải, bảo đảm vệ sinh và an toàn. Từ đó, mỗi cá nhân sẽ nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và trách nhiệm của mỗi người trong việc giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường sống xung quanh.

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Do đặc thù hoạt động trong ngành chế biến thủy sản cho nên về mặt nguyên vật liệu, Công ty luôn ưu tiên chọn các nhà cung cấp hướng đến nuôi trồng thủy sản bền vững. Ngoài ra, Công ty sử dụng bao bì đóng gói trên nguyên tắc tối thiểu sử dụng chất thải nhựa, ưu tiên sử dụng bao bì giấy và bao bì tái chế.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng**

Ý thức được việc tiết kiệm các chi phí liên quan đến năng lượng đầu vào, Công ty luôn đưa ra những chủ trương, chính sách để tiết kiệm năng lượng, nhằm giảm thiểu chi phí cho Công ty. Công ty định kỳ kiểm tra và rà soát hệ thống máy móc thiết bị để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các trang thiết bị, máy móc đã hư hỏng. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tuyên truyền, nâng cao ý thức của toàn bộ cán bộ nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, cũng dự đào tạo một số bài bản về nghiệp vụ sử dụng hệ thống dây chuyền sản xuất, cải tiến quy trình để có thể tối đa năng suất, tiết kiệm thời gian và tiết kiệm lượng năng lượng tiêu tốn mỗi năm.

### **6.4. Tiêu thụ nước**

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty nhận thức được rằng nước là yếu tố cực kỳ quan trọng trong mọi hoạt động của Công ty, vì vậy cần có những chính sách sử dụng phù hợp. Do đặc thù hoạt động ở trong KCN nên Công ty sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi CTCP KCN Hiệp Phước. Về phía nội bộ Công ty, đối với nguồn nước sinh hoạt Công ty khuyến khích, tuyên truyền nhân viên sử dụng nước tiết kiệm và hợp lý. Đối với nước sử dụng trong sản xuất, Công ty thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, van nước của các thiết bị, máy móc để giảm thiểu rò rỉ, thất thoát trong quá trình sản xuất, đảm bảo an toàn với môi trường. Tỷ lệ nước thải sản xuất được thu gom xử lý của Công ty luôn đạt 100%.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

Đối với TFC, con người là một trong những nguồn lực quan trọng nhất trong quá trình hoạt động và phát triển. Đặc biệt, với đặc thù ngành nghề của Công ty, các cán bộ nhân viên thường xuyên phải làm việc trong môi trường sản xuất khép kín, cho nên Công ty luôn chủ động quan tâm đến sức khỏe của toàn thể nhân viên, bằng cách tổ chức các buổi thăm khám sức khỏe định kỳ, cung cấp trang thiết bị bảo hộ để đảm bảo

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

an toàn lao động. Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ nhằm cung cấp kiến thức mới và giúp người lao động nâng cao tay nghề, năng suất làm việc. Ngoài ra, Công ty còn cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ lương thưởng, bảo hiểm và trợ cấp phù hợp. Điều này không chỉ tạo cho nhân viên một môi trường làm việc công bằng mà còn giúp Công ty có thể giữ chân nguồn lao động tay nghề cao và giàu kinh nghiệm. Cùng với đó, TFC luôn quan tâm đến sức khỏe tinh thần của toàn thể nhân viên, thường xuyên tổ chức các hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao, giúp gắn kết kết người lao động, tạo môi trường làm việc thoải mái và hiệu quả.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Từ khi thành lập đến nay Công ty luôn theo đuổi phát triển trên cơ sở bền vững do đó trách nhiệm Công ty đối với địa phương luôn được chú trọng. Công ty hiện đang tạo công ăn việc làm cho hơn 500 lao động tại địa phương với nguồn thu nhập ổn định. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ đối với địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức và khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động từ thiện tại địa phương.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm vừa qua công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Về mặt chủ quan Ban Giám đốc đánh giá lý do kết quả đạt được đến từ việc Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm đơn hàng từ các khách hàng mới, đồng thời duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng cũ, từ đó giúp tạo ra số lượng đơn hàng tương đối lớn, giúp ổn định quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên có tay nghề cao, có tinh thần trách nhiệm, khả năng sáng tạo và luôn hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong công việc, từ đó có thể tạo nên những sản phẩm đồng đều chất lượng theo yêu cầu đặc thù của từng khách hàng. Năm 2025 cũng ghi nhận biên lợi nhuận ròng đạt 17% phản ánh chiến lược cải tổ, tối ưu hóa chi phí vận hành của công ty đã mang lại hiệu quả sau một thời gian triển khai.

**2. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2025 đạt 1.023 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2024. Cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng nhẹ trong năm 2025 ở mức 77% tổng tài sản (2024: 76%). Vòng quay tổng tài sản trong năm 2024 đạt 1,06 lần, giảm nhẹ so với năm 2024 (1,13 lần). Công ty không có các khoản phải thu quá hạn.

**b) Tình hình nợ phải trả.**

Năm 2025, Nợ phải trả đạt 504 tỷ đồng, tương đương giảm 4% so với cùng kỳ năm 2024. Do đặc thù kinh doanh của công ty nên cơ cấu nợ phải trả chủ yếu tập trung vào nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn trong năm 2024 giảm 3% so với cùng kỳ 2024.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư vào công tác quản trị, ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết kiệm nguồn lực.



**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Công ty Cổ phần Trang tiếp tục tập trung vào sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang các nước phát triển, trong đó:

- Tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường tiềm năng khác.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm chay (vegan), sản phẩm không chứa gluten (gluten free), sản phẩm rau củ đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với nhóm thực phẩm tốt cho sức khỏe.

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty****a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên Công ty luôn thực hiện những biện pháp nhằm tối thiểu hóa các ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Cụ thể, Công ty luôn tìm kiếm và ký kết với đối tác chuyên thu mua rác thải công nghiệp để đảm bảo chất lượng sống cộng đồng, đồng thời tạo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ cho cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên thực hiện tuyên truyền và nhắc nhở tập thể người lao động giữ gìn vệ sinh xung quanh nơi làm việc, thực hiện phân loại rác thải... nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh công tác tiết kiệm năng lượng điện, thực hiện thay thế, từng bước sử dụng các nguồn điện năng hiện đại hơn và có công suất thấp hơn nhằm tiết kiệm chi phí, tiết giảm lượng tiêu thụ nguồn năng lượng này.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

TFC nhận thức được rằng người lao động luôn là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến sức khỏe tinh thần lẫn thể chất của toàn thể cán bộ nhân viên. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện để nhân viên gắn kết thông qua các hoạt động đoàn thể, các hoạt động thể thao, nhằm tăng cường tinh thần đồng đội và nâng cao hiệu quả làm việc. Đồng thời, Công ty luôn tạo điều kiện, để người lao động có thể học hỏi, nâng cao tay nghề, nhằm đem đến những sản phẩm đầu ra chất lượng nhất. Cùng với đó, TFC luôn đảm bảo trả lương đầy đủ, đúng hạn và chấp hành trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định.

Ngoài ra, trong năm 2025 công ty đã thực hiện nhiều khóa đào tạo cập nhật về pháp luật lao động cho người lao động nhằm đảm bảo người lao động hiểu rõ quyền lợi của mình để bảo vệ quyền lợi chính đáng của chính mình và yên tâm cống hiến lâu dài cho công ty.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.**

Trong quá trình hoạt động, TFC luôn mong muốn đem lại những giá trị tích cực, để có thể chung tay góp phần xây dựng cộng đồng ngày một vững mạnh hơn. Vậy nên, Công ty luôn chủ động trong việc chia sẻ và hỗ trợ tài chính cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia đóng góp vào các quỹ từ thiện... Điều này không chỉ giúp ích cho cộng đồng, mà còn giúp Công ty tạo được lòng tin và sự đồng cảm từ phía các đối tác, khách hàng.



**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty****1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2025, kinh tế thế giới dần phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Lạm phát tại các thị trường lớn (Mỹ, EU, Nhật Bản) được kiểm soát nhưng nhu cầu tiêu dùng chưa thực sự bùng nổ. Chiến tranh thương mại, thuế quan thị trường Mỹ, và các rào cản kỹ thuật về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc ngày càng nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, chi phí logistics quốc tế có xu hướng tăng trở lại do biến động địa chính trị tại Trung Đông và khu vực Biển Đỏ. Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng nhờ chiến lược đa dạng hóa thị trường, tập trung vào các sản phẩm giá trị gia tăng (value-added) và cải tiến quy trình sản xuất. Doanh thu năm 2025 đạt và vượt kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng so với năm 2024, nhờ tối ưu hóa danh mục sản phẩm, đàm phán lại giá nguyên liệu với nhà cung cấp, và nâng cao năng suất lao động thông qua chuyển đổi số. Ngoài ra, công ty cũng chủ động dự trữ nguyên liệu chiến lược và ký hợp đồng dài hạn với khách hàng quốc tế, giúp giảm thiểu tác động từ biến động tỷ giá và chi phí vận tải.

Mặt khác, môi trường pháp luật kinh doanh ngày càng hội nhập sâu rộng, kéo theo hệ thống quy định phức tạp hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, hải quan và xuất xứ hàng hóa. Dù vậy, công ty luôn chủ động cập nhật và nâng cao năng lực tuân thủ. Trong năm 2025, công ty vinh dự nhận Bằng khen của Cục trưởng Cục Thuế TP. HCM về thành tích tuân thủ chính sách pháp luật thuế, đây là một minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực không ngừng của to thể trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý ngày càng khắt khe.

Thêm vào đó, VASEP cũng đã ghi nhận kết quả nỗ lực của phía công ty thông qua việc trao giải Top 3 Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc TP. HCM năm 2025 cho công ty, khẳng định năng lực thích ứng và vận hành hiệu quả của công ty trong bối cảnh tình hình kinh tế đầy biến động.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

HĐQT đánh giá rất cao nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã chủ động thích ứng, tận dụng cơ hội từ sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng toàn cầu, đồng thời vượt qua khó khăn để duy trì đà tăng trưởng. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất, tăng cường quản lý chi phí đầu vào, tối ưu hóa danh mục sản phẩm có biên lợi nhuận cao, đồng thời nâng cao năng lực quản lý của các cấp điều hành, tạo nên một tập thể đoàn kết, thống nhất hướng đến mục tiêu tạo ra giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong tương lai.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Về kế hoạch phát triển kinh doanh trong năm 2026 và những năm tiếp theo, HĐQT và Ban TGD đánh giá tiềm năng gia tăng xuất khẩu vào thị trường UK, EU và đặc biệt là Mỹ vẫn còn dự địa lớn, về mặt hàng sản phẩm tiếp tục ưu tiên phát triển các mặt hàng chủ lực và ổn định quanh năm.

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo của HĐQT và Ban TGD là nâng cao tinh thần tự động hóa và cơ khí hóa trong sản xuất,

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

hoàn thiện cơ cấu tổ chức hiệu quả hơn, tổ chức kiểm soát tốt chi phí và chất lượng sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.

**V. Quản trị công ty****1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Tỉ lệ sở hữu</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	CT HĐQT kiêm Người đại diện pháp luật	22,02 %	1980-1990: Giám đốc quản lý chất lượng tại Công ty sản xuất Kem Street – Úc 2005-2015: CT HĐQT kiêm TGD TFC. 2015-2017: TV HĐQT kiêm TGD TFC. 2017-nay : CT HĐQT TFC.
Ông Trương Văn Quang	TV HĐQT kiêm TGD	0,19%	2000-2002: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC. 2002-2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC. 2006-2017: Quản đốc xưởng TFC. 2017-2019: Phó Giám đốc điều hành TFC. 2019-nay : TV HĐQT kiêm TGD TFC.
Bà Susan Ho	TV HĐQT không điều hành	5,94%	2003-2019: Giám đốc bộ phận - Macquarie Group (úc) 2020-2022: Giám Đốc Lawhill Advisory Pty Ltd 2022-nay : Thành viên HĐQT TFC
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	TV HĐQT không điều hành	3,57%	1995-2002: Công ty Kiểm toán AFC Sài Gòn. 2002-2005: Công ty Kiểm toán DTL 2005-2006: Công ty Kiểm toán Quang Minh 2006-nay : Đầu tư tài chính, Thành viên HĐQT Công ty cổ Phần Trang
Bà Kim Ngoc Nguyen	TV HĐQT độc lập	0%	2017-2023: Giám Đốc Trung tâm liên lạc, Perpetual Limited, Úc. 2023-nay : Thành viên HĐQT Cty CP Trang

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Trong năm 2025, HĐQT tổ chức 14 cuộc họp, với tỷ lệ 100% thành viên tham dự trực tiếp/ trực tuyến và/hoặc ủy quyền cho người khác tham dự, có ý kiến kịp thời đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Thống kê tham dự họp của các thành viên HĐQT theo các hình thức như sau:

**Các nghị quyết của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2025, HĐQT đã thông qua 15 Nghị quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hoạt động của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty. Theo đánh giá của HĐQT năm 2025 các thành viên của HĐQT hoàn thành nhiệm vụ. Nội dung trích yếu của những Nghị quyết được HĐQT thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	HĐQT/NQ/2025.1	24-02-2025	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%
2	HĐQT/NQ/2025.2	24-02-2025	Thông qua giao dịch các bên liên quan	100%
3	HĐQT/NQ/2025.3	10-02-2025	Vay vốn MB	100%
4	HĐQT/NQ/2025.4	03-02-2025	Thuê tài chính VCBL	100%
5	HĐQT/NQ/2025.5	28-03-2025	Chi thưởng TGD	100%
6	HĐQT/NQ/2025.6	28-03-2025	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông	100%
7	HĐQT/NQ/2025.7	10-03-2025	Vay hạn mức vốn lưu động VCB	100%
8	HĐQT/NQ/2025.8	25-04-2025	Vay hạn mức vốn lưu động ACB	100%
9	HĐQT/NQ/2025.9	25-04-2025	Vay ngân hàng ACB	100%
10	HĐQT/NQ/2025.10	02-06-2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2025	100%
11	HĐQT/NQ/2025.11	26-05-2025	Ký kết hạn mức tín dụng BPCE IOM HCMC	100%
12	HĐQT/NQ/2025.12	20-06-2025	Hạn mức tín dụng Standard Chartered	100%
13	HĐQT/NQ/2025.13	30-06-2025	Hạn mức tín dụng Hongleong Viet Nam	100%
14	HĐQT/NQ/2025.14	18-09-2025	Chia cổ tức 2025	100%
15	HĐQT/NQ/2025.15	30-09-2025	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	100%

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

Các thành viên HĐQT độc lập đã tham dự các cuộc họp đúng với chức năng nhiệm vụ của thành viên HĐQT độc lập. Đồng thời kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Ngoài ra cũng thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

**2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Quá trình công tác
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng BKS	0,62%	2003-2005: Phó giám đốc Công ty kinh doanh hàng TTVN (Công ty dệt may Việt Nam) 2005-2009: Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty CP Trang 2009-2015: Giám đốc điều hành Công ty CP Trang 2015-nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Trang
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên BKS	0,0044 %	2000-2010: Công ty cổ phần Tân Tân 2010-2011: Trưởng phòng kế toán, điều phối kinh doanh Cty TNHH Hùng Long Việt 2012-2014: Kế toán giá thành Công ty Cổ phần Trang 2015-nay : Trưởng phòng kế hoạch sản xuất Công ty CP Trang 2022-nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Trang
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên BKS	0%	1983-1986: Kế toán Công ty Liên Hiệp Xuất Nhập Khẩu T. Cửu Long 1986-1991: Quyền Kế toán trưởng Công ty Dịch vụ TT - Thể thao T. Cửu Long 1993-1995: Kế toán thuế, PT Cửa hàng, QL kho và kho vận Cty TNHH DV TM Viễn Tin, Tp HCM. 1996-2001: Chuyên viên quản trị và tư vấn hoạt động KD các đơn vị trực thuộc Công ty CP DV Bưu chính - Viễn thông Sài Gòn/ P. KD - XNK 2001-2012: Thủ quỹ và các công việc Kế toán – Tài chính khác. Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn/ Trung tâm Điện thoại di động CDMA.

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu	Quá trình công tác
			2012-2016: Tình nguyện viên Quỹ Từ thiện Tỉnh thương Tp HCM.
			2016-2021: Kiểm tra, tư vấn TNXH và Thành viên Ban Kiểm Soát Cty CP Trang

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát tự đánh giá đã nghiêm túc thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động BKS bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên ban Kiểm soát đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao theo nguyên tắc độc lập, khách quan, cần trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và của Công ty cổ phần Trang. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp đề, cụ thể như sau:

- Phân công nhiệm vụ và định hướng hoạt động 2025 cho các thành viên Ban Kiểm soát.
- Đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị soát xét và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất cho công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát****a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Họ tên	Chức vụ	Tổng
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.504.791.000
Ông David Ho	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh (miễn nhiệm từ ngày 25/4/2025)	270.618.000
Bà Susan Ho	Thành viên HĐQT	216.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên HĐQT	216.000.000
Bà Kim Ngoc Nguyen	Thành viên HĐQT	168.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	318.834.400
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	590.163.259
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.**

Trong năm 2024, các người nội bộ sau có phát sinh giao dịch cổ phiếu công ty:

**TRANG CORPORATION**

Lot A14b Hiep Phuoc IP, Hiep Phuoc Commune, HCMC, Vietnam

Tel: 84.28.-7800888-7800900 - Fax: 84.28.7800735

E-mail: [info@trangsgroup.com](mailto:info@trangsgroup.com)

- Bà Vũ Thị Minh Chiến - Trưởng Ban kiểm soát - đã bán 240.000 cổ phần.
- Ông Huỳnh Khánh Hiếu - Ủy viên HĐQT - đã bán 200.300 cổ phần.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị: trả tiền lãi vay 504.493.152 đồng và nợ gốc 8.200.000.000 đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty Cổ phần Trang đã thực hiện tốt vai trò quản lý của mình trong năm vừa qua. Đồng thời, TFC luôn đảm bảo việc quản trị Công ty được tuân thủ, thực hiện theo đúng quy định pháp luật và các Quy định, Điều lệ nội bộ để việc vận hành diễn ra suôn sẻ. Cùng với đó, Công ty đã liên tục kiểm tra và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị thông qua việc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác được tham gia những khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới và hiệu quả.

## **VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

*Xem trang sau.*

**Người đại diện theo pháp luật**



**Nguyễn Minh Nguyệt**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>13 - 41</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>42</b>

\*\*\*\*\*





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Trăng hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Ngày 13/11/2015, cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường HNX với mã cổ phiếu là TFC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Susan Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Kim Ngọc Nguyen	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Quang Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông David Ho	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024

#### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Văn Quang (tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024).

#### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 001/2025/UQ-TFC ngày 15 tháng 12 năm 2025.

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

C.P.

T.T.N.H  
AN  
H. MINH





Số: 1.0712/26/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

Lương Anh Vũ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>782.641.675.420</b>	<b>696.450.246.988</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>258.627.003.157</b>	<b>213.689.358.486</b>
1. Tiền	111		209.791.003.157	187.689.358.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.836.000.000	26.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>115.578.830.298</b>	<b>93.753.330.298</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	115.578.830.298	93.453.830.298
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>188.637.286.924</b>	<b>230.884.366.639</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	170.098.075.116	182.687.361.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.014.906.712	1.023.490.463
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.665.236.120	47.415.606.558
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(140.931.024)	(242.092.199)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>190.096.738.840</b>	<b>155.235.956.890</b>
1. Hàng tồn kho	141		191.909.014.315	158.247.595.593
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.812.275.475)	(3.011.638.703)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.701.816.201</b>	<b>2.887.234.675</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.723.341.922	2.877.881.969
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.978.474.279	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	-	9.352.706
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>240.299.573.664</b>	<b>217.264.913.486</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>144.955.307.551</b>	<b>139.702.693.467</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	63.346.720.000	63.346.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	81.608.587.551	76.355.973.467
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.459.722.406</b>	<b>36.398.884.020</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	28.348.027.801	26.301.866.293
- Nguyên giá	222		100.719.048.597	95.289.010.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.371.020.796)	(68.987.144.400)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	10.914.230.560	9.843.750.274
- Nguyên giá	225		13.905.004.798	11.872.194.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.990.774.238)	(2.028.444.524)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	197.464.045	253.267.453
- Nguyên giá	228		675.970.800	675.970.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.506.755)	(422.703.347)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>397.137.500</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	397.137.500	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>47.181.900.793</b>	<b>33.543.552.439</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	47.181.900.793	33.543.552.439
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.305.505.414</b>	<b>7.619.783.560</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.305.505.414	5.732.862.229
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	1.886.921.331
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.022.941.249.084</b>	<b>913.715.160.474</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>503.611.515.408</b>	<b>526.093.042.205</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>496.948.116.682</b>	<b>513.109.306.354</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	65.908.228.652	112.733.211.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	2.626.506	316.179.156
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.612.690.002	14.271.541.588
4. Phải trả người lao động	314	V.18	28.337.735.266	23.538.537.565
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.082.015.664	4.734.762.972
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	15.459.785.017	530.882.929
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	360.382.272.809	354.365.152.545
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	7.162.762.766	2.619.038.551
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.663.398.726</b>	<b>12.983.735.851</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	4.413.398.726	10.733.735.851
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	2.250.000.000	2.250.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>519.329.733.676</b>	<b>387.622.118.269</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>519.329.733.676</b>	<b>387.622.118.269</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	334.278.542.539	202.609.621.099
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		164.405.908.884	202.609.621.099
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		169.872.633.655	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(422.401.591)	(461.095.558)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.022.941.249.084</b>	<b>913.715.160.474</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Giản Thị Ngọc  
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.027.529.105.514	907.985.807.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	211.413.892	3.836.969.202
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.027.317.691.622	904.148.837.862
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	748.862.563.902	643.189.648.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		278.455.127.720	260.959.189.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.167.454.713	29.170.876.841
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.248.464.397	31.318.662.934
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.010.890.570	16.401.899.683
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	25.338.348.354	19.314.400.094
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.077.004.087	27.612.404.371
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	62.811.312.659	60.958.437.154
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		201.824.149.644	189.554.962.325
12. Thu nhập khác	31	VI.8	49.483.016	270.562.498
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.203.328.080	1.476.437.913
14. Lợi nhuận khác	40		(3.153.845.064)	(1.205.875.415)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		198.670.304.580	188.349.086.910
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	26.872.055.627	30.121.193.331
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.23	1.886.921.331	(3.312.880.957)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		169.911.327.622	161.540.774.536
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		169.872.633.655	161.506.710.448
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		38.693.967	34.064.088
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	9.888	9.293
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	9.888	9.293

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Giản Thị Ngọc  
Người lậpNguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởngTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		198.670.304.580	188.349.086.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	5.841.413.606	4.957.723.608
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	(1.300.524.403)	3.249.329
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	121.160.691	649.028.935
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c, VI.4, VI.9	(33.908.642.994)	(26.926.318.927)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	17.010.890.570	16.401.899.683
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		186.434.602.050	183.434.669.538
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.650.139.654	9.751.149.094
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33.661.418.722)	(31.426.076.119)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.060.435.346)	47.239.049.194
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.418.103.138)	(1.440.361.333)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		299.500.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.5	(17.209.576.944)	(15.673.349.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(28.655.864.907)	(20.232.360.765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(624.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>94.378.842.647</b>	<b>171.028.519.929</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.13, VII	(8.658.637.354)	(7.666.496.556)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.9	1.172.445.455	1.311.999.998
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(23.126.600.000)	(76.994.940.463)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	1.668.000.000	69.842.485.916
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	15.478.221.632	3.159.079.545
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(13.466.570.267)</b>	<b>(10.347.871.560)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	694.055.594.808	660.739.033.623
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(693.715.343.988)	(627.628.846.587)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(2.573.731.681)	(2.229.328.520)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.24a	(33.638.490.499)	(21.182.073.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.871.971.360)</b>	<b>9.698.784.716</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>45.040.301.020</b>	<b>170.379.433.085</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>213.689.358.486</b>	<b>42.395.187.091</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(102.656.349)</b>	<b>914.738.310</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>258.627.003.157</b>	<b>213.689.358.486</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026



  
Giản Thị Ngọc  
Người lập

  
Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

  
Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Tập đoàn tăng so với năm trước chủ yếu là do số lượng đơn hàng tăng. Đây là nguyên nhân chủ yếu góp phần làm cho lợi nhuận năm nay của Tập đoàn tăng so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

##### 6b. Công ty con được hợp nhất

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 75% (số đầu năm là 75%).

##### 6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 565 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 491 nhân viên).





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 15 năm.

#### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 15. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và theo thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã và sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

#### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	448.852.559	211.322.747
Tiền gửi ngân hàng	209.342.150.598	187.478.035.739
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) <sup>(i)</sup>	48.836.000.000	26.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>258.627.003.157</b>	<b>213.689.358.486</b>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với số tiền lần lượt là 2.000.000.000 VND và 100.000 USD (tương đương 2.611.000.000 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

###### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm. Khoản trái phiếu này đã được thu hồi trong năm.

###### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2c. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	20.181.900.793	6.543.552.439
<b>Cộng</b>	<b>47.181.900.793</b>	<b>33.543.552.439</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 26 tháng 4 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.543.552.439	14.229.152.345
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	25.338.348.354	19.314.400.094
Lợi nhuận được chia	(11.700.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.181.900.793</b>	<b>33.543.552.439</b>

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động có lãi.

#### Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán nguyên liệu	17.666.767.498	5.253.154.870
Bán hàng hóa	8.833.681	-
Cho thuê máy móc	1.852.608.000	1.852.608.000
Bán tài sản cố định	-	1.287.000.000
Thuê dịch vụ gia công	23.200.059.740	26.919.792.550
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	7.487.533.845	7.390.363.595
Mua nguyên vật liệu	22.208.565.484	8.608.692.645
Mua hàng hóa	3.945.275.158	3.897.700.738
Lãi cho vay	5.138.124.000	5.152.201.000
Lợi nhuận được chia	11.700.000.000	-





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>17.719.067.438</i>	<i>1.590.576.676</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	17.719.067.438	1.590.576.676
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>152.379.007.678</i>	<i>181.096.785.141</i>
Trangs UK Limited	40.660.187.499	52.541.418.601
Trang Europe SAS	58.910.539.196	47.819.847.717
Trangs Group USA Incorporated	33.618.276.457	46.735.816.138
Trangs Food Pty Ltd	17.701.553.355	32.261.432.126
Các khách hàng khác	1.488.451.171	1.770.168.040
<b>Cộng</b>	<b>170.098.075.116</b>	<b>182.687.361.817</b>

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trangs UK Limited đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21a).

Một phần khoản phải thu khách hàng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam	627.206.250	391.500.000
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	155.240.064	134.777.520
Mariox Trading	130.431.972	130.431.972
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	-	110.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Môi trường Thanh Lâm	454.119.123	90.261.864
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Tabviet	252.136.152	-
Các nhà cung cấp khác	395.773.151	166.519.107
<b>Cộng</b>	<b>2.014.906.712</b>	<b>1.023.490.463</b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế GTGT chờ hoàn	13.372.250.090	-	45.772.130.432	-
Tạm ứng	2.671.116.000	-	1.347.979.285	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	-	283.948.585	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	331.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	290.870.030	-	11.548.256	-
<b>Cộng</b>	<b>16.665.236.120</b>	<b>-</b>	<b>47.415.606.558</b>	<b>-</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>79.941.213.614</b>	-	<b>74.803.089.614</b>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary				
– Ký cược, ký quỹ dài hạn	49.470.040.724	-	49.470.040.724	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary				
– Lãi cho vay	30.471.172.890	-	25.333.048.890	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.667.373.937</b>	-	<b>1.552.883.853</b>	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.291.524.669	-	1.114.174.669	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	375.849.268	-	438.709.184	-
<b>Cộng</b>	<b>81.608.587.551</b>	-	<b>76.355.973.467</b>	-

**6. Nợ quá hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mariox Trading – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	130.431.972	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	130.431.972	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		52.378.723	41.879.671		158.696.087	47.035.860
	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	36.007.267	36.007.267	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	32.324.631	32.324.631
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	14.414.507	14.414.507
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	14.273.097	5.872.404	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.956.949	296.722
	Trên 03 năm	2.098.359	-	Trên 03 năm	110.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>182.810.695</b>	<b>41.879.671</b>		<b>289.128.059</b>	<b>47.035.860</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	242.092.199	326.953.459
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(101.161.175)	(84.861.260)
<b>Số cuối năm</b>	<b>140.931.024</b>	<b>242.092.199</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	3.537.664.777	-	42.159.150	-
Nguyên liệu, vật liệu	134.780.229.145	(1.381.760.412)	80.339.206.700	(1.813.173.133)
Công cụ, dụng cụ	113.648.057	-	3.264.484.127	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.382.080.521	-	4.718.572.377	-
Thành phẩm	49.970.940.504	(430.148.641)	48.920.126.331	(1.193.574.449)
Hàng hóa	124.451.311	(366.422)	20.963.046.908	(4.891.121)
<b>Cộng</b>	<b>191.909.014.315</b>	<b>(1.812.275.475)</b>	<b>158.247.595.593</b>	<b>(3.011.638.703)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.011.638.703	2.923.528.114
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(1.199.363.228)	88.110.589
Số cuối năm	1.812.275.475	3.011.638.703

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

## 8. Chi phí trả trước

### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	544.109.722	289.680.445
Chi phí sửa chữa	1.206.666	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.178.025.534	2.588.201.524
Cộng	2.723.341.922	2.877.881.969

### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.872.161.774	2.995.207.042
Chi phí sửa chữa	3.899.809.356	1.263.255.249
Công cụ, dụng cụ	701.331.174	464.698.174
Các chi phí trả trước dài hạn khác	832.203.110	1.009.701.764
Cộng	8.305.505.414	5.732.862.229

Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21a).

## 9. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm và thời hạn vay gia hạn theo phụ lục số PL03:01-04/2022TFC-DR đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.421.079.769	64.167.502.614	12.807.430.573	1.892.997.737	95.289.010.693
Mua trong năm	-	95.000.000	-	-	95.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.575.051.993	4.383.937.861	-	50.000.000	8.008.989.854
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.197.588.314)	(476.363.636)	-	(2.673.951.950)
Số cuối năm	19.996.131.762	66.448.852.161	12.331.066.937	1.942.997.737	100.719.048.597
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.821.028.696	28.197.420.289	1.859.878.985	1.455.639.737	34.333.967.707
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	11.125.996.357	52.192.882.386	4.044.438.715	1.623.826.942	68.987.144.400
Khấu hao trong năm	708.504.006	2.883.648.253	1.154.579.160	76.549.065	4.823.280.484
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.040.452)	(476.363.636)	-	(1.439.404.088)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.834.500.363</b>	<b>54.113.490.187</b>	<b>4.722.654.239</b>	<b>1.700.376.007</b>	<b>72.371.020.796</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.295.083.412	11.974.620.228	8.762.991.858	269.170.795	26.301.866.293
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.161.631.399</b>	<b>12.335.361.974</b>	<b>7.608.412.698</b>	<b>242.621.730</b>	<b>28.348.027.801</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.661.458 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21a).

**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.872.194.798	2.028.444.524	9.843.750.274
Thuê tài chính trong năm	1.875.300.000		
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	157.510.000		
Khấu hao trong năm		962.329.714	
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.905.004.798</b>	<b>2.990.774.238</b>	<b>10.914.230.560</b>

**12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	675.970.800	422.703.347	253.267.453
Khấu hao trong năm		55.803.408	
<b>Số cuối năm</b>	<b>675.970.800</b>	<b>478.506.755</b>	<b>197.464.045</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.030.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.714.317.500	(1.114.800.000)	(254.547.500)	344.970.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	4.949.777.967	(2.243.106.982)	(2.706.670.985)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.860.778.018	(4.808.592.872)	(17.646)	52.167.500
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.524.873.485</b>	<b>(8.166.499.854)</b>	<b>(2.961.236.131)</b>	<b>397.137.500</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch lợi nhuận kê khai thuế giữa sổ sách và cơ sở tính thuế.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.886.921.331	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	1.886.921.331
Hoàn nhập trong năm	(1.886.921.331)	-
Số cuối năm	-	1.886.921.331

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

##### 14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng năm 2023 với số tiền là 254.634.901 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.018.815.105</i>	<i>15.156.118.196</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	2.018.815.105	15.156.118.196
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>63.889.413.547</i>	<i>97.577.092.852</i>
Công ty TNHH Thương mại Thủy sản Đức Anh	7.353.329.600	-
Classier Enterprises Pty Ltd	10.771.297.475	22.848.208.066
Các nhà cung cấp khác	45.764.786.472	74.728.884.786
Cộng	65.908.228.652	112.733.211.048

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Gray Mackenzie Retail Lebanon S.A.L	-	315.728.196
Các khách hàng khác	2.626.506	450.960
Cộng	2.626.506	316.179.156

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	75.972.761	-	206.390.450	(208.512.254)	73.850.957	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.008.016	(3.008.016)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	7.668.531	(7.668.531)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.122.357.943	-	26.872.055.627	(28.655.864.907)	12.338.548.663	-
Thuế thu nhập cá nhân	73.210.884	9.352.706	3.597.642.077	(3.461.209.873)	200.290.382	-
Thuế nhà thầu	-	-	2.373.594.635	(2.373.594.635)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	19.463.031	(19.463.031)	-	-
Cộng	14.271.541.588	9.352.706	33.079.822.367	(34.729.321.247)	12.612.690.002	-





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Trang	26.872.055.627	30.121.193.331
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.872.055.627</b>	<b>30.121.193.331</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### **18. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### **19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoa hồng bán hàng phải trả	2.586.899.481	-
Chi phí lãi vay phải trả	610.080.067	678.577.401
Chi phí cung ứng dịch vụ	1.206.090.590	1.682.684.994
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.678.945.526	2.373.500.577
<b>Cộng</b>	<b>7.082.015.664</b>	<b>4.734.762.972</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	<b>130.189.040</b>
Các thành viên Hội đồng quản trị – Chi phí lãi vay phải trả	-	130.189.040
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>15.459.785.017</b>	<b>400.693.889</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	235.085.500	320.773.450
Cổ tức phải trả	108.257.620	77.127.119
Chi phí bồi thường hàng lỗi	3.027.399.337	-
Chi phí xuất khẩu phải trả	11.111.945.617	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	977.096.943	2.793.320
<b>Cộng</b>	<b>15.459.785.017</b>	<b>530.882.929</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 21. Vay và nợ thuê tài chính

##### 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	357.825.325.289	352.285.074.469
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú</i> <sup>(i)</sup>	58.094.219.233	54.256.143.195
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(ii)</sup>	81.297.843.874	94.395.614.400
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6</i> <sup>(iii)</sup>	32.406.204.058	64.365.651.855
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam</i> <sup>(iv)</sup>	71.575.887.410	49.981.499.591
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(v)</sup>	17.870.585.302	33.690.675.396
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(vi)</sup>	36.945.616.549	43.341.026.119
<i>Vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam</i> <sup>(vii)</sup>	17.821.070.366	12.254.463.913
<i>Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(viii)</sup>	41.813.898.497	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	600.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	600.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.20b)	1.956.947.520	2.080.078.076
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</i>	1.200.504.529	836.544.526
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	756.442.991	1.243.533.550
<b>Cộng</b>	<b>360.382.272.809</b>	<b>354.365.152.545</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.7).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng và toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14b, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh của Tập đoàn (nay là phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh) và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.1, V.8b, V.10 và VII.1a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.1, V.2b, V.3, V.7 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b) và bảo lãnh bởi các cá nhân (xem thuyết minh số VII.1a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho và các khoản phải thu (xem thuyết minh số V.1, V.2b và V.3).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền lợi phát sinh từ việc khai thác công trình nhà xưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Dary hình thành trong tương lai tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	352.285.074.469	691.055.594.808	-	(685.515.343.988)	357.825.325.289
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.080.078.076	-	2.450.601.125	(2.573.731.681)	1.956.947.520
Cộng	<u>354.365.152.545</u>	<u>691.055.594.808</u>	<u>3.050.601.125</u>	<u>(688.089.075.669)</u>	<u>360.382.272.809</u>

#### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả bên liên quan	-	8.200.000.000
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt <sup>(i)</sup>	-	8.200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	4.413.398.726	2.533.735.851
Vay dài hạn ngân hàng	2.400.000.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	2.400.000.000	-
Nợ thuê tài chính	2.013.398.726	2.533.735.851
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	243.987.333	651.876.991
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease <sup>(iv)</sup>	1.769.411.393	1.881.858.860
Cộng	<u>4.413.398.726</u>	<u>10.733.735.851</u>

- (i) Khoản vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh dùng để đầu tư tài sản cố định với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14b, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh của Tập đoàn và hàng tồn kho, các khoản phải thu (xem các thuyết minh số V.7, V.8b và V.10).
- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo từng Hợp đồng thuê tài chính, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê từ 4 năm đến 5 năm. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.
- (iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo từng Hợp đồng thuê tài chính, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê từ 3,5 năm đến 5 năm. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	3.000.000.000	600.000.000	2.400.000.000
Nợ thuê tài chính	3.970.346.246	1.956.947.520	2.013.398.726
<b>Cộng</b>	<b>6.970.346.246</b>	<b>2.556.947.520</b>	<b>4.413.398.726</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn các cá nhân	8.200.000.000	-	8.200.000.000
Nợ thuê tài chính	4.613.813.927	2.080.078.074	2.533.735.853
<b>Cộng</b>	<b>12.813.813.927</b>	<b>2.080.078.074</b>	<b>10.733.735.853</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong năm</b>	<b>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>
Vay dài hạn ngân hàng	-	3.000.000.000	-	(600.000.000)	2.400.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	8.200.000.000	-	(8.200.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	2.533.735.851	1.930.264.000	-	(2.450.601.125)	2.013.398.726
<b>Cộng</b>	<b>10.733.735.851</b>	<b>4.930.264.000</b>	<b>(8.200.000.000)</b>	<b>(3.050.601.125)</b>	<b>4.413.398.726</b>

#### 21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

#### 22. Quỹ khen thưởng

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	2.619.038.551	1.124.048.985
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.543.724.215	1.562.489.566
Chi quỹ	-	(67.500.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.162.762.766</b>	<b>2.619.038.551</b>

#### 23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	2.250.000.000	3.675.959.626
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	(1.425.959.626)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>2.250.000.000</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

#### 24. Vốn chủ sở hữu

##### 24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	26.874.000.000	28.874.000.000
Các cổ đông khác	65.764.940.000	63.764.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>168.299.940.000</b>

#### 24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số ĐHĐCĐ/NQ/2025.1 ngày 25 tháng 4 năm 2025 với số tiền là 4.543.724.215 VND và chia cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số HĐQT/NQ/2025/13 ngày 18 tháng 9 năm 2025 với mức chi trả là 20%/mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

#### 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### 25a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	5.717.805,35	6.818.234,76
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,88	4,88

##### 25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Mm Mega Market (Việt Nam) tại thành phố Hà Nội	198.827.474	198.827.474
Các tổ chức và cá nhân khác	1.896.512.873	1.896.512.873
<b>Cộng</b>	<b>2.095.340.347</b>	<b>2.095.340.347</b>

Các khoản công nợ trên được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.025.651.718.968	899.165.340.624
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.877.386.546	8.820.466.440
<b>Cộng</b>	<b>1.027.529.105.514</b>	<b>907.985.807.064</b>

###### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

##### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	192.566.892	169.565.162
Hàng bán bị trả lại	17.571.843	3.667.404.040
Giảm giá hàng bán	1.275.157	-
<b>Cộng</b>	<b>211.413.892</b>	<b>3.836.969.202</b>

##### 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	732.575.690.432	637.845.141.583
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	17.486.236.698	5.256.395.841
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(1.199.363.228)	88.110.589
<b>Cộng</b>	<b>748.862.563.902</b>	<b>643.189.648.013</b>

##### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.494.273.047	2.300.755.776
Lãi tiền cho vay	5.138.124.000	5.152.201.000
Lãi đầu tư trái phiếu	17.525.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.517.532.666	21.717.920.065
<b>Cộng</b>	<b>24.167.454.713</b>	<b>29.170.876.841</b>

##### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.010.890.570	16.401.899.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.116.413.136	14.267.734.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	121.160.691	649.028.935
<b>Cộng</b>	<b>21.248.464.397</b>	<b>31.318.662.934</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.929.318.134	4.734.791.222
Chi phí vật liệu, bao bì	2.408.505.789	2.129.403.183
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.904.323	47.099.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	829.036	152.960.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.916.759.619	15.428.177.460
Chi phí bồi thường hàng lỗi	3.017.413.981	-
Chi phí xuất khẩu phải trả	11.111.899.013	-
Các chi phí khác	663.374.192	5.119.972.991
<b>Cộng</b>	<b>42.077.004.087</b>	<b>27.612.404.371</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	39.876.282.136	46.238.589.994
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.050.729.381	693.760.144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.177.676.636	756.713.058
Thuế, phí và lệ phí	633.770.750	662.529.862
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(101.161.175)	33.888.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.558.546.657	7.725.988.368
Các chi phí khác	13.615.468.274	4.846.966.988
<b>Cộng</b>	<b>62.811.312.659</b>	<b>60.958.437.154</b>

#### 8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	158.962.057
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	6.464.700	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	19.288.256
Các khoản thu nhập khác	43.018.316	92.312.185
<b>Cộng</b>	<b>49.483.016</b>	<b>270.562.498</b>

#### 9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62.102.407	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.114.704.036	507.486.965
Khấu hao các TSCĐ chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	8.770.161	3.750.000
Xử lý chênh lệch công nợ phải thu	66.908	34.412.425
Thuế GTGT không được hoàn	2.998.960	927.000.148
Các chi phí khác	14.685.608	3.788.375
<b>Cộng</b>	<b>3.203.328.080</b>	<b>1.476.437.913</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	169.872.633.655	161.506.710.448
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.543.724.215)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(3.455.566.381)	(556.700.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	166.417.067.274	156.406.286.233
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.829.994	16.829.994
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>9.888</b>	<b>9.293</b>

##### 10b. Thông tin khác

Trong năm, Công ty mẹ đã trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số ĐHĐCĐ/NQ/2025.1 ngày 25 tháng 4 năm 2025 với số tiền là 4.543.724.215 VND. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 9.563 VND xuống 9.293 VND.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	550.340.336.170	544.999.593.134
Chi phí nhân công	159.098.025.851	173.493.173.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.841.413.606	4.957.723.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.417.466.719	44.716.471.034
Chi phí khác	41.100.849.800	17.516.981.817
<b>Cộng</b>	<b>800.798.092.146</b>	<b>785.683.943.202</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
<b>Bà Nguyễn Minh Nguyệt</b>		
Trả tiền vay	8.200.000.000	-
Chi phí lãi vay	504.493.152	822.246.570
Cổ tức được chia	7.412.200.000	4.447.320.000
<b>Ông David Ho</b>		
Cổ tức được chia	7.720.000.000	4.632.000.000
<b>Bà Susan Ho</b>		
Cổ tức được chia	2.000.000.000	1.200.000.000
<b>Ông Huỳnh Khánh Hiếu</b>		
Cổ tức được chia	1.200.000.000	960.360.000
<b>Các thành viên Ban kiểm soát</b>		
<b>Bà Vũ Thị Minh Chiến</b>		
Cổ tức được chia	488.000.000	412.800.000
<b>Bà Tô Lệ Minh</b>		
Cổ tức được chia	1.500.000	900.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
<b>Ông Trương Văn Quang</b>		
Cổ tức được chia	67.100.000	40.260.000
<b>Các cá nhân có quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt</b>		
<b>Ông Hồ Văn Trung</b>		
Cổ tức được chia	5.356.800.000	3.464.880.000
<b>Bà Nguyễn Minh Tâm</b>		
Cổ tức được chia	1.050.000.000	630.000.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Bà Nguyễn Minh Nguyệt, Ông Hồ Văn Trung và Ông David Hồ đã thực hiện bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20 và V.21a.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	<b>Chức danh</b>	<b>Tổng thu nhập</b>
<b>Năm nay</b>		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.200.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.504.791.000
Ông David Ho	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	270.618.000
Bà Susan Ho	Thành viên Hội đồng quản trị	216.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	216.000.000
Bà Kim Ngọc Nguyen	Thành viên Hội đồng quản trị	168.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	318.834.400
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	590.163.259
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.520.406.659</b>
<b>Năm trước</b>		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	156.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.654.360.000
Ông David Ho	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh	1.185.482.000
Bà Susan Ho	Thành viên Hội đồng quản trị	86.400.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	33.500.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
Ông Trần Quang Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	80.400.000
Bà Kim Ngọc Nguyen	Thành viên Hội đồng quản trị	80.400.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	345.192.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	639.816.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	21.000.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.381.550.000</b>

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Thực phẩm Dary là công ty liên kết.

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

##### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.9 và V.15.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

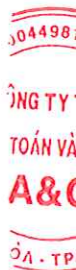
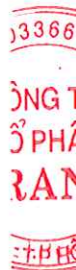
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Giản Thị Ngọc  
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	63.418.093.017	(495.159.646)	248.396.526.099
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	161.506.710.448	34.064.088	161.540.774.536
Trích lập quỹ khen thưởng trong năm trước	-	-	(1.562.489.566)	-	(1.562.489.566)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	-	-	(20.195.992.800)	-	(20.195.992.800)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(556.700.000)	-	(556.700.000)
Số dư cuối năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	202.609.621.099	(461.095.558)	387.622.118.269
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	202.609.621.099	(461.095.558)	387.622.118.269
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	169.872.633.655	38.693.967	169.911.327.622
Trích lập quỹ khen thưởng trong năm nay	-	-	(4.543.724.215)	-	(4.543.724.215)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(33.659.988.000)	-	(33.659.988.000)
Số dư cuối năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	334.278.542.539	(422.401.591)	519.329.733.676

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Ngọc  
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

